TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 33/2020/DS-ST
Ngày 07 – 9 - 2020
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hà Thị Hương
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST – DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H , sinh năm 1967 - *Có mặt*
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh ĐăkLăk

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phương B , sinh năm 1979 – *vắng mặt*
Bà Lê Thị Bích T, sinh năm: 1983 – *vắng mặt*
Trú tại: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh ĐăkLăk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà chỉ có mối quan hệ quen biết vay mượn với vợ chồng ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên vào ngày

06/9/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có đến nhà bà H vay số tiền 150.000.000đ, đến ngày 08/9/2019 (âm lịch) vay tiếp 50.000.000 đồng cả hai lần vay đều thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà H. Đến hẹn bà H đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không trả, gọi điện thoại thì ông B, bà T không nghe máy. Nay bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải trả cho bà H số tiền gốc là 200.000.000đ và lãi suất 10%/năm cả hai khoản vay kể từ ngày 08/9/2019 (âm lịch) đến khi ông B và bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông B và bà T và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280; 463; 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T trả nợ cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T trả 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong giấy vay tiền thể hiện địa chỉ của ông B và bà T cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắklăk, qua xác minh tại Công an xã Quảng Hiệp thể hiện ông B và bà T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ trên nên căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số nợ: Ngày 06/9/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có vay bà H số tiền 150.000.000đ, đến ngày 08/9/2019 (âm lịch) vay tiếp 50.000.000 đồng phía dưới mục người vay có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Do ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông B và bà T. Tại kết luận giám định số 59/PC09 ngày 29/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đăk Lăk đã kết luận chữ viết trong giấy vay tiền bên mục người vay của ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T trong giấy vay tiền ngày 06, 08/9/2019 (âm lịch) là chữ viết của ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Như vậy, việc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T ký kết hợp đồng vay số tiền 200.000.000 đồng của bà Phan Thị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015 Việc ông B và bà T không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông B và bà T trả nợ là có căn cứ, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị H số tiền 200.000.000đ là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Theo giấy vay tiền lập ngày 06,08/9/2019 (âm lịch), lãi suất do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 10%/ năm (0,83%/tháng) kể từ ngày vay 08/9/2019 (âm lịch) tức ngày 06/10/2019 dương lịch để tính lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng tính đến ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính như sau:

- Từ ngày 06/10/2019 đến ngày xét xử 07/9/2020 là:

200.000.000 đồng x 325 ngày x 0,83% : 30 = 17.983.333 đồng.

Tổng số tiền mà bị đơn ông B và bà T có có trách nhiệm trả cho vợ bà H là 217.983.333 đồng. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 17.983.333 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 217.983.333 đồng x 5% = 10.899.166 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng khác:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 5.040.000đ tiền giám định chữ ký chữ viết bà H đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 217.983.333 đồng. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 17.983.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo *mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu 10.899.166 đồng tiền án phí dân sư sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 5.450.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0004459 ngày 10/03/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 5.040.000đ chi phí giám định.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu